

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11/5/2021

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1].ông Nguyễn Mạnh Dũng;

[2].ông Nguyễn Quang Liêu;

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 134/2021/ TLST – HNGĐ ngày 2 tháng 04 năm 2021 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134 /2021/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

[1]. Nguyên đơn: chị Tô Thị T; Sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 9, xã B B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Bị đơn: anh Lương Văn H ; Sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 9, xã B B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Tô Thị T xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lương Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, số 33/2014 ngày 23/04/2014, quá trình sống chung thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, tính cách khác nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, vợ chồng không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Lương Hoàng Long, sinh ngày 06/04/2015 nguyện vọng chị Tiến để cho anh Lương Văn H nuôi con, không cấp dưỡng.

về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn H vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Tô Thị T có đăng ký kết hôn với anh Lương Văn H , nay chị Tô Thị T xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Tô Thị T và anh Lương Văn H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị T và anh Lương Văn H là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Tô Thị T và anh Lương Văn H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân, bị đơn anh Lương Văn H đồng ý ly hôn, như vậy cần ghi nhận sự đồng ý thuận tình ly hôn của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Tô Thị T được ly hôn với anh Lương Văn H .

[4] Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Lương Hoàng Long, sinh ngày 06/04/2015 cho anh Lương Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: chị Tô Thị T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Tô Thị T được ly hôn với anh Lương Văn H .

[2] Về con chung , ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao cháu Lương Hoàng Long, sinh ngày 06/04/2015 cho anh Lương Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Tô Thị T nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 016131 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên